TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST Ngày: 21-02-2023. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 428/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ X, khu Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ X, khu Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà L và ông Nguyễn Công H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 02/03/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào Bình Dương sinh sống và làm việc. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông H

không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng không sống chung từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công H.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày X/Y/1997 và tên Nguyễn Trần Như A, sinh ngày X/Y/2005. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Cháu P đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Công H trình bày: Ông H thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị L về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Giữa vợ chồng có mẫu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của bà L, ông H không đồng ý. Ông H yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho ông được hàn gắn tình cảm với bà L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung, ông H đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Công H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk năm 2000. Nay bà L có đơn xin ly hôn với ông H và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Công H có nơi cư trú tại phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Công H là vợ chồng, sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày X/Y/2000. Do đó, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện nay, bà L nhận thấy vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông H không còn quan tâm chăm sóc vợ con. Bà L xác định không còn tình cảm với ông H và cả hai đã sống ly thân nên bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công H. Về phía ông H thừa nhận quá trình chung sống, giữa ông và bà L có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa trầm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn, ông còn thương vợ con, gia đình. Do đó, ông H không đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà L, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông H đều xác định quá trình sống chung, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, ngột ngạt. Tuy ông H không đồng ý ly hôn, nhưng ông H không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà L và ông H không còn sống chung với nhau, việc vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Công H là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Trần Như A, sinh ngày X/Y/2005. Ông H thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L ly hôn với ông, ông H đồng ý giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu A trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày X/Y/1997 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cháu Nguyễn Trần Như A, sinh ngày X/Y/2005 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 235, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Công H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Như A, sinh ngày X/Y/2005 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày X/Y/1997 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số AA/2021/0001XYZ ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã H,
huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Châu Giang